

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 2003 (vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt)

HKTT: Thôn T, xã T, T, Hải Dương

Hiện ở: Tổng Thượng, Q, K, Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, T, Hải Dương

- **Người làm chứng:** Ông Bùi Văn N, sinh năm 1977; địa chỉ: T, Q, K, Hải Dương (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị **T** và anh **H** kết hôn vào ngày 31/8/2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 1/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính cách, không có tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị xác định không còn tình cảm gì với anh **H** nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho chị ly hôn với anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Phạm Văn L**, sinh ngày 29/01/2023. Hiện nay cháu **L** đang ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị lao động tự do, thu nhập trung bình một ngày là 200.000đ

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

\* Ý kiến gia đình hai bên cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị **T**, anh **H** có nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, ông **Bùi Văn N** (bố đẻ chị **T**) còn trình bày sẽ tạo điều kiện để mẹ con chị **T** có chỗ ở ổn định, lâu dài, đồng thời sẽ hỗ trợ chị **T** trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu **L**

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị **T** được ly hôn anh **H**. Về con chung: Giao con chung là **Phạm Văn L**, sinh ngày 29/01/2023 cho chị **T** nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh H chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp tính cách, quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên xô xát. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H không đến Tòa án làm việc cũng như không đến tham gia hoà giải, điều đó thể hiện bị đơn không thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh H và kiên quyết ly hôn với anh H. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn với anh H là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 01 con chung là Phạm Văn L sinh ngày 29/01/2023. Xét chị T có nguyện vọng xin được nuôi con và nhận được sự hậu thuẫn của gia đình trong việc nuôi dưỡng cháu L. Anh H không có lời khai hay văn bản nào đề nghị xin nuôi con chung. Mặt khác cháu L hiện dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc được giao cho mẹ nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Bùi Thị Thanh T ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn L, sinh ngày 29/01/2023 cho chị Bùi Thị Thanh T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

*Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000913 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Hải, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhung**